

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH


VÕ VIỆT HÙNG

**GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN VIỆT NAM
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: KINH TẾ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số : 62.31.12.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2009

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: ***PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung***

Phản biện 1: ***PGS.TS Ngô Hương*** – Trường Đại học Ngân
hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Phản biện 2: ***PGS.TS Đào Văn Hùng*** – Học viện Chính sách
phát triển.

Phản biện 3: ***Đỗ Tất Ngọc*** – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn Việt Nam.

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Nhà nước họp tại Trường Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí
Minh vào lúc 08 giờ 30 ngày 17 tháng 10 năm 2009.

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện Trường Đại học kinh tế
Thành phố Hồ Chí Minh và thư viện Tổng hợp TP.HCM.

**CÔNG TRÌNH NGHIÊN KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ
CÔNG BỐ:**

1. Thạc sỹ Võ Việt Hùng “Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam” – Tạp chí Kinh tế phát triển, số 146, trang 22, phát hành tháng 12 năm 2002.
2. Thạc sỹ Võ Việt Hùng “Giải pháp mở rộng hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” – Tạp chí Kinh tế phát triển, số 168, trang 35, phát hành tháng 10 năm 2004.
3. Thạc sỹ Võ Việt Hùng “Đẩy mạnh hoạt động Marketing của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” – Tạp chí Kinh tế phát triển, số 211, trang 53, phát hành tháng 5 năm 2008.

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI:

TP.HCM là một trung tâm kinh tế của cả nước, là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trong thời gian hơn 20 năm đổi mới vừa qua, các TCTD trên phạm vi cả nước nói chung và tại địa bàn TP.HCM nói riêng đã không ngừng mở rộng mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, nâng cao năng lực quản trị và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao khả năng tài chính để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là môi trường cạnh tranh trên địa bàn TP.HCM.

Đến cuối năm 2008, mặc dù bị ảnh hưởng không nhỏ từ khủng hoảng kinh tế thế giới, tình hình lạm phát trong nước, sau đó chuyển sang suy giảm kinh tế, nhưng GDP của TP.HCM tăng gần 11% so với năm 2007, cho thấy kinh tế TP.HCM đã và đang có những tiềm lực rất mạnh. Những tác động tích cực từ việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) làm cho kim ngạch xuất nhập khẩu đạt mức tăng trưởng cao, hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu, chuyển tiền, cho vay... của các NHTM cũng ngày càng phát triển hơn. Vốn huy động trên địa bàn TP.HCM đến cuối năm 2008 đạt 561.500 tỷ đồng, tổng dư nợ tín dụng đạt 490.560 tỷ đồng. Cho thấy hệ thống ngân hàng đã đóng góp vai trò to lớn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng.

Tuy nhiên, cho đến năm 2008 mức đóng góp của hệ thống NHTM trên địa bàn TP.HCM chỉ đạt tỷ trọng khoảng trên 8% trong cơ cấu tăng trưởng GDP của TP.HCM. Vì vậy hệ thống NHTM cần phải có nhiều nỗ lực hơn nữa để phát huy vai trò của mình với tư cách là các định chế tài chính, làm chức năng thu hút những nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư, tổ chức kinh tế, đáp ứng vốn cho đầu tư phát triển nền kinh tế cũng như cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng hiện đại, góp phần đẩy nhanh tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Từ nhận thức trên, tôi đã chọn đề tài: **“Giải pháp nhằm mở rộng hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát**

triển Nông thôn Việt Nam trên địa bàn TP.HCM” làm luận án bảo vệ học vị Tiến sĩ kinh tế của mình.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

- Hệ thống hóa lý luận về ngân hàng thương mại
- Nêu ra những vấn đề liên quan đến mở rộng hoạt động tín dụng; Đưa ra những chỉ tiêu đo lường kết quả mở rộng tín dụng; Bài học kinh nghiệm cho các NHTM Việt Nam trong việc mở rộng hoạt động tín dụng từ cuộc khủng hoảng tài chính ngân hàng tại Mỹ.
- Nghiên cứu thực trạng, rút ra những thành tựu, tồn tại và nguyên nhân hạn chế trong hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM trong thời gian qua.
- Đề xuất giải pháp mở rộng tín dụng, góp phần đưa Agribank trên địa bàn TP.HCM trở thành một thương hiệu lớn trên thương trường trong và ngoài nước.

3. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Thời gian qua đã có nhiều đề tài nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế, tài chính ngân hàng và cũng không ít đề tài nghiên cứu về tín dụng ngân hàng như đề tài “Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với kinh tế tư nhân”; “Vai trò của của tín dụng ngân hàng đối với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu long”... Tuy nhiên, từ những thông tin mà tác giả luận án biết được thì việc làm rõ tiềm năng rất lớn về nhu cầu vốn tín dụng trên địa bàn TP.HCM và việc mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM các đề tài chưa đề cập đến.

Vì vậy, cho phép có thể khẳng định đến nay chưa có luận án tiến sỹ nào, đề tài nào nghiên cứu sâu về việc mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM. Với lẽ đó đề tài không trùng lặp với các đề tài khác.

4. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Luận án nghiên cứu hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM trong sự so sánh với các NHTM khác trên địa bàn

và của Agribank ở những đô thị loại 1 làm đối tượng nghiên cứu; Nghiên cứu một số văn bản của Chính Phủ, NHNN, Agribank, các văn bản khác có liên quan đến tín dụng để nghiên cứu.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận án chỉ lấy sự vận động vốn tín dụng của các NHTM, của Agribank tại TP.HCM và các văn bản của Chính phủ, NHNN, Agribank có liên quan đến hoạt động tín dụng để nghiên cứu; Thời gian nghiên cứu từ năm 2002 đến nay.

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử có kết hợp chặt chẽ với các phương pháp hệ thống, thống kê, phân tích, phương pháp tổng hợp. Trong quá trình nghiên cứu có sự kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. Đồng thời còn sử dụng phương pháp đối chiếu so sánh, trên cơ sở đó xâm nhập vào thực tế các hiện tượng và các quá trình hoạt động kinh doanh của các NHTM.

6. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA LUẬN ÁN:

Một là: Luận án đã hệ thống hóa một cách có chọn lọc những lý luận cơ bản về NHTM với các chức năng và nghiệp vụ chủ yếu của nó, luận án đã dành phần lớn thời lượng cho lý luận tổng quan về nghiệp vụ tín dụng ngân hàng. Nội dung thứ hai được trình bày với sự vận dụng kết hợp lý luận vào thực tiễn, đó là việc phân tích, lập luận, giúp người đọc thấy được yêu cầu cơ bản để mở rộng tín dụng, từ đó xây dựng được cơ sở lý luận với liều lượng cần thiết, đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu định hướng đề tài đặt ra.

Hai là: Thông qua nguồn số liệu thông tin cập nhật, có độ tin cậy cao, luận án phân tích sâu thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank tại TP.HCM từ 2002 đến 2008. Trên cơ sở lập luận logic chặt chẽ, minh chứng cụ thể, luận án đã rút ra được những kết luận khách quan về những kết quả đạt được trong hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM, bao gồm công tác huy động vốn,

cấp tiền vay, tiếp thị mở rộng thị phần,...Đồng thời, luận án đã chỉ ra những mặt tồn tại hạn chế cùng với những nguyên nhân của chúng.

Ba là: Xuất phát từ mục tiêu phát triển KTXH của TP.HCM và mục tiêu phát triển ngành ngân hàng đến 2020, luận án đã đề xuất các giải pháp toàn diện, bao gồm các biện pháp nhằm khơi tăng nguồn vốn huy động và mở rộng hoạt động cho vay trên địa bàn TP.HCM, góp phần thiết thực hỗ trợ nguồn lực tài chính bổ sung cho tăng trưởng kinh tế trên địa bàn TPHCM. Bên cạnh các giải pháp đề xuất ở tầm vĩ mô, luận án cũng đưa ra nhiều kiến nghị thiết thực với các cơ quan quản lý vĩ mô như Chính phủ, NHNN, với Agribank trung ương và Chính quyền thành phố, nhằm hỗ trợ cho việc thực thi các giải pháp đã được đề xuất.

7. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CỦA LUẬN ÁN

Luận án được trình bày với 166 trang giấy A4, ngoài phần mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục 22 bảng số liệu, 10 biểu đồ, 02 đồ thị, Luận án có kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tín dụng của NHTM.

Chương 2: Thực trạng về hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trên địa bàn TP.HCM.

Chương 3: Giải pháp mở rộng hoạt động tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trên địa bàn TP.HCM.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÍN DỤNG CỦA NHTM

Trong chương 1, Luận án đã hệ thống hóa được các cơ sở khoa học về vấn đề nghiên cứu, trong đó làm rõ các vấn đề sau đây:

1.1. NHTM và các chức năng của NHTM

1.1.1. Khái niệm chung về NHTM.

1.1.2. Các chức năng của NHTM.

1.2. Các nghiệp vụ chủ yếu của NHTM.

1.2.1. Nghiệp vụ nguồn vốn

1.2.2. Nghiệp vụ sử dụng vốn

1.2.3. Nghiệp vụ trung gian, ủy thác.

1.3. Tổng quan về tín dụng

1.3.1. Khái niệm tín dụng

1.3.2. Các hình thức tín dụng

1.3.3. Vai trò của tín dụng

1.3.4. Phân loại tín dụng

1.3.5. Đảm bảo tín dụng

1.3.6. Quy trình tín dụng.

1.4. Rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng

1.4.1. Kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng là một trong những loại hình kinh doanh đặc biệt tiềm ẩn rủi ro

1.4.2. Các loại rủi ro thường gặp trong hoạt động kinh doanh ngân hàng

1.4.3. Những nguyên nhân phát sinh rủi ro.

1.5. Những vấn đề liên quan đến mở rộng tín dụng.

1.5.1. Quan niệm về mở rộng hoạt động tín dụng

1.5.2. Những yêu cầu để mở rộng hoạt động tín dụng

1.5.3. Những chỉ tiêu đo lường kết quả mở rộng tín dụng

1.5.4. Bài học cho các NHTM Việt nam trong việc mở rộng hoạt động tín dụng từ cuộc khủng hoảng tài chính ngân hàng ở Mỹ.

Kết luận chương 1: Trong chương này, Luận án đã tập trung làm sáng tỏ những vấn đề lý luận chung và hoạt động của NHTM, trong đó nghiên cứu kỹ đến hoạt động tín dụng ngân hàng, đưa ra những chỉ tiêu đo lường kết quả mở rộng tín dụng, rút ra bài học kinh nghiệm về mở rộng tín dụng từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Qua đó làm cơ sở để đánh giá thực trạng, đề ra những giải pháp thiết thực nhằm góp phần mở rộng hoạt động tín dụng của cả hệ thống Agribank nói chung và của Agribank trên địa bàn TP.HCM.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA AGRIBANK TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

2.1. Đặc điểm vị trí địa lý và tình hình KTXH TP.HCM

2.2. Khái quát về quá trình phát triển của Agribank

2.2.1. *Quá trình hình thành và phát triển của Agribank:*

- Agribank là NHTM hàng đầu Việt Nam, giữ vai trò chủ đạo và chủ lực trong đầu tư vốn góp phần phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam.

- Agribank là NHTMQD lớn nhất Việt Nam cả về vốn, tài sản, đội ngũ cán bộ nhân viên, mạng lưới hoạt động và số lượng khách hàng.

- Hiện nay, Agribank có quan hệ đại lý với trên 979 ngân hàng tại 113 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong nước thì Agribank có hơn 10 triệu khách hàng là hộ nông dân. Được WB đánh giá là ngân hàng tiếp cận cho hộ nông dân vay tốt nhất thế giới, và được Chương trình phát triển của Liên Hiệp quốc (UNDP) xếp hạng là doanh nghiệp số một Việt Nam trong 200 doanh nghiệp hàng đầu Việt nam.

2.2.2. *Khái quát về Agribank trên địa bàn TP.HCM:*

- *Về mạng lưới:* đến 31/12/2008, Agribank trên địa bàn TP.HCM có 197 điểm giao dịch, chiếm 9,72% tổng số điểm giao dịch của tất cả NHTM trên địa bàn.

- *Về nhân sự:* đến 31/12/2008 tổng số lao động chính thức của Agribank trên địa bàn khoảng 2.300 người, dẫn đầu khối NHTM trên địa bàn. Trong đó có 3 tiến sĩ, 48 thạc sĩ và trên 1.500 cử nhân.

- *So với 5 thành phố đô thị loại 1:* Nguồn vốn chiếm 43%, dư nợ cho vay chiếm 56%.

- *So với các NHTM trên địa bàn:* Nguồn vốn chiếm 15,65%, dư nợ cho vay chiếm 11,82%.

- *So với toàn hệ thống Agribank:* Nguồn vốn chiếm 24%, dư nợ cho vay chiếm 20%.

2.3. Thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM

2.3.1. Thực trạng công tác huy động vốn của Agribank tại TP.HCM:

- Thị phần nguồn vốn huy động trên địa bàn đến năm 2008, tổng nguồn vốn đạt 86.037 tỷ đồng, tăng 8,05 lần so với năm 2002, tốc độ tăng trưởng hàng năm là 50,46%, chiếm 42,71% trong khối NHTMQD, chiếm 15,14% trong tổng nguồn vốn của các NHTM trên địa bàn và chiếm 29,51% nguồn vốn của toàn hệ thống Agribank.

- Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn của Agribank trên địa bàn TP.HCM bình quân chung đạt 45,85% cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung của các NHTM khác và của Agribank Việt Nam.

2.3.2. Thực trạng hoạt động cho vay của Agribank tại địa bàn TP.HCM:

- Tổng dư nợ đạt 65.503 tỷ đồng, tăng 7,77 lần so với năm 2002, tốc độ tăng bình quân từ năm 2002–2008 là 49,21% cao hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân chung và của các NHTM khác.

- Thị phần dư nợ năm 2008 chiếm tỷ trọng 13,35% trong tổng dư nợ của các NHTM trên địa bàn TP.HCM, chiếm 39,35% dư nợ của các NHTM quốc doanh trên cùng địa bàn và chiếm 25,10% tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống Agribank.

2.3.3. Chất lượng tín dụng của Agribank tại TP.HCM

- Tình hình nợ quá hạn từ năm 2001 đến 2004:

Đến 31/12/2004 tổng dư nợ quá hạn là 212 tỷ đồng, chiếm 1,06% trên tổng dư nợ cho vay của Agribank trên địa bàn và chiếm 4,29% trên tổng nợ quá hạn của toàn hệ thống NHTM trên địa bàn.

- Tình hình nợ xấu theo thông lệ quốc tế từ năm 2005– 2008:

Đến 31/12/2008 nợ nhóm 3, nhóm 4, nhóm 5 của Agribank trên địa bàn TP.HCM là 1.190 tỷ đồng, chiếm 2% dư nợ cho vay của Agribank tại TP.HCM, chiếm 12,73% nợ xấu của toàn hệ thống và chiếm 10,90% tổng nợ xấu của các NHTM tại TP.HCM.

2.3.4. Đo lường kết quả hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM từ năm 2002 đến năm 2008

* **Chỉ tiêu về hoạt động cho vay:** Doanh số cho vay của Agribank trên địa bàn TP.HCM không ngừng tăng lên, đến năm 2008 đã đạt 104.414 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 42%. Dư nợ đến năm 2008 đạt 58.008 tỷ đồng, tốc độ tăng hàng năm là 46,9%. Riêng năm 2008, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay và dư nợ cho vay đã giảm nhiều. Doanh số cho vay tăng 18% và dư nợ cho vay tăng 24%.

* **Về mức độ an toàn trong hoạt động tín dụng:** Hệ số sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn không thể hiện do nguồn vốn huy động trên 12 tháng của Agribank trên địa bàn luôn thừa để cho vay trung dài hạn; Tỷ lệ nợ xấu bình quân từ năm 2002 đến 2008 của các NHTM trên địa bàn 3,02%, trong đó Agribank trên địa bàn là 1,37%. Qua các chỉ tiêu này, cho thấy hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM là khá cao.

* **Chỉ tiêu về kết quả thu được từ hoạt động tín dụng:** Thu nhập của Agribank trên địa bàn TP.HCM tăng đều qua các năm, tốc độ tăng trưởng bình quân là 46,6% năm. Trong đó tỷ lệ thu nhập thu được từ hoạt động tín dụng chiếm tỷ trọng rất cao, bình quân qua các năm là 93,8%; Tốc độ tăng trưởng thu nhập từ hoạt động tín dụng bình quân hàng năm là 44,3% và cứ bình quân mỗi một trăm đồng dư nợ cho vay ra là thu được 1,88 đồng thu nhập. Cho thấy hoạt động tín dụng vẫn là hoạt động đóng góp chính vào thu nhập của Agribank trên địa bàn TP.HCM.

2.4. Đánh giá về thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM từ năm 2002 đến năm 2008

2.4.1. Đánh giá những thành quả đạt được trong hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM

*** Kết quả đạt được trong công tác huy động vốn**

- Đã có những chuyển biến tích cực trong nhận thức về việc chủ động tăng trưởng nguồn vốn huy động tại địa bàn.

- Thực hiện chủ trương đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đáp ứng ngày càng nhiều các sản phẩm tiện ích cho khách hàng.
- Không ngừng tìm kiếm, khai thác những nguồn vốn rẻ để nâng cao chênh lệch lãi suất đầu vào và đầu ra.
- Chủ động trong việc điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn giảm dần vốn huy động từ các TCTD.

*** *Trong công tác phát triển thị trường, thị phần:*** Luôn coi trọng việc giữ vững thị trường, củng cố thị phần. Từng bước sắp xếp lại hệ thống mạng lưới, phòng giao dịch để huy động vốn trực tiếp từ dân cư, nâng cao tiện ích phục vụ tốt các đơn vị kinh tế lớn.

*** *Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:***

Thường xuyên tổ chức thi tuyển cán bộ mới có trình độ chuyên môn cao, không ngừng trẻ hóa đội ngũ cán bộ, tuyển chọn cán bộ có khả năng tiếp cận công nghệ hiện đại phục vụ cho nhu cầu mở rộng kinh doanh trên địa bàn năng động như TP.HCM.

*** *Công tác Marketing quảng bá thương hiệu:***

Thường xuyên chú ý thực hiện tốt công tác tiếp thị, tuyên truyền, quảng cáo các sản phẩm, các dịch vụ tiện ích cho khách hàng thông qua hệ thống thông tin đại chúng như truyền hình, báo đài...

*** *Công tác phát triển hệ thống CNTT***

- Năm 2003 Agribank trên địa bàn TP.HCM được triển khai chương trình IPCAS theo tiêu chuẩn quốc tế do Chính phủ tài trợ.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT hiện đại vào bậc nhất Việt Nam hiện nay, có thể lưu trữ hàng trăm triệu khách hàng và kết nối thanh toán với nhiều ngân hàng qua Banknet, Smartlink...

*** *Về công tác cho vay:*** Từ năm 2001 – 2008 đạt mức tăng trưởng cao, dư nợ tín dụng tăng bình quân hàng năm từ 25% đến 40%. Cơ cấu dư nợ cũng từng bước có những thay đổi theo xu hướng giảm dần dư nợ từ các thành phần kinh tế quốc doanh sang các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, DNVVN, hộ sản xuất tư nhân cá thể làm ăn có hiệu quả có tài sản đảm bảo đầy đủ.

2.4.2. Những tồn tại trong hoạt động tín dụng:

* **Tồn tại trong công tác huy động vốn:** Cơ cấu nguồn vốn huy động chưa hợp lý; Thị phần huy động vốn của Agribank tại địa bàn TP.HCM chưa tương xứng với tiềm năng; Các hình thức huy động vốn còn đơn điệu, chất lượng các sản phẩm huy động chưa tốt; Thời gian giao dịch với khách hàng còn dài; Cơ sở vật chất của các chi nhánh Agribank trên địa bàn còn nghèo nàn.

* **Tồn tại trong công tác phát triển mạng lưới và kênh phân phối:** Hệ thống mạng lưới, kênh phân phối tại các khu đô thị mới, KCN, KCX, vùng nông thôn, xa trung tâm chưa nhiều; Cơ sở vật chất của nhiều chi nhánh còn thiếu tiện nghi, chưa hiện đại; Hệ thống mạng lưới phục vụ tự động và giao dịch từ xa còn hạn chế.

* **Hệ thống thông tin tín dụng chưa hoàn thiện, quy trình cho vay chưa được tuân thủ chặt chẽ:** Nợ xấu không ngừng tăng lên cho thấy chất lượng các khoản cho vay còn tiềm ẩn rủi ro; Đa số các DNDD vẫn còn khó tiếp cận được vốn vay của Agribank trên địa bàn TP.HCM; Chất lượng của danh mục tín dụng chưa được nâng cao, còn tồn tại những khoản vay không sinh lời và nợ khó thu hồi.

* **Tồn tại trong hoạt động Marketing phục vụ công tác mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank tại TP.HCM:** Thương hiệu Agribank trên địa bàn TP.HCM chưa được quảng bá rộng rãi; Hệ thống nghiên cứu, thu thập xử lý dữ liệu marketing chưa hoàn thiện. Thiếu đội ngũ cán bộ am hiểu và có kinh nghiệm về lĩnh vực kinh doanh ngân hàng; Chiến lược marketing chưa thật sự khuyến khích khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của ngân hàng;

* **Tồn tại trong công tác quản lý, điều hành và phát triển nguồn nhân lực làm ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng:** Đội ngũ CBCNV ở một số đơn vị trình độ chuyên môn chưa cao, đặc biệt là kiến thức tin học và công nghệ ngân hàng hiện đại, một số cán bộ phẩm chất đạo đức chưa tốt; Do sản phẩm, dịch vụ chưa được chuẩn hóa nên cơ cấu tổ chức chưa hoàn toàn theo thông lệ quốc tế, khó khăn trong việc đào tạo chuyên sâu về các kỹ thuật hiện đại của ngân hàng quốc tế.

* **CNTT chưa theo kịp yêu cầu mở rộng tín dụng:** Công nghệ thông tin thì hiện đại nhưng các chương trình ứng dụng còn đơn điệu, chưa thực hiện được việc triển khai các sản phẩm tín dụng mới, thực hiện cung cấp hồ sơ tín dụng qua mạng, các chương trình kết nối với khách hàng còn hạn chế...

* **Tồn tại trong công tác cho vay:** Việc cho vay vốn ở một số chi nhánh chưa thật sự gắn kết với hiệu quả SXKD của doanh nghiệp; Đầu tư tín dụng cho các doanh nghiệp trong KCN, KCX còn rất thấp; Chậm mở rộng cho vay phát triển các DNVVN; Dư nợ cho vay nhằm thực hiện được các giải pháp kích cầu đầu tư và tiêu dùng của Chính phủ, TP.HCM còn thấp; Dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn TP.HCM, nhất là đối với mô hình kinh tế trang trại chưa xứng với tiềm năng.

2.4.3. Nguyên nhân tồn tại trong hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM

*** Những nguyên nhân chủ quan:**

- **Trong công tác huy động vốn:** Còn bất cập trong việc nắm bắt các diễn biến tình hình KTXH trong và ngoài nước; Chậm triển khai và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới; Công tác nghiên cứu nhằm tối ưu hóa lãi suất tiết kiệm, phát triển các dịch vụ thanh toán, dịch vụ thẻ và quản lý nguồn vốn chưa được thực hiện tốt; Chính sách lãi suất huy động vốn còn có lúc chưa thực sự linh hoạt, phù hợp và mang tính cạnh tranh cao; Chưa có những chính sách cụ thể nhằm đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, nhất là hình thức huy động vốn trung dài hạn.

- **Trong công tác phát triển mạng lưới và kênh phân phối:** Chưa chú trọng đến việc mở rộng mạng lưới và kênh phân phối đến những khu dân cư ở các khu đô thị mới, KCN, KCX; Agribank trên địa bàn TP.HCM triển khai chậm, không đồng bộ, các kế hoạch phân khúc thị trường trên cơ sở phân loại khách hàng.

- **Công tác Marketing, quảng bá thương hiệu:** Nghiên cứu chưa kỹ nhu cầu của thị trường, đối thủ cạnh tranh, về chiến lược

phát triển và kế hoạch kinh doanh của ngân hàng...; Tổ chức quá ít các lớp đào tạo, huấn luyện về các kỹ năng marketing cho cán bộ marketing một cách chuyên nghiệp để nâng cao kiến thức cho cán bộ ngân hàng; Ít đăng cai tổ chức các hội nghị quốc tế, tài trợ cho các sự kiện thể thao, văn hóa, sự kiện truyền hình mang tính đại chúng; Logo, biểu tượng, slogan chưa thật sự ấn tượng.

- *Nguyên nhân từ việc thiết lập các thông tin tín dụng và thực hiện các quy trình cho vay:* Các CBTD chưa được trang bị một cách đầy đủ những kiến thức cơ bản, hiểu biết nhất định về dự án, sản phẩm và kỹ năng thẩm định dự án; Chưa có bộ phận thẩm định giá tài sản thế chấp chuyên nghiệp hay Hội đồng thẩm định giá tại các chi nhánh Agribank trên địa bàn TP.HCM; Dư nợ cho vay tập trung vào thành phần kinh tế quốc doanh còn cao; Chưa giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn, nợ đọng và nợ khoanh liên quan tới các khoản cho vay ưu đãi, cho vay chính sách; Việc thực hiện các quy trình cho vay tại một số chi nhánh chưa nghiêm túc.

- *Nguyên nhân liên quan đến công tác quản lý, điều hành và phát triển nguồn nhân lực:* Agribank trên địa bàn TP.HCM chưa thực hiện triệt để việc giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức cho từng CBCNV ngân hàng; Chưa có các chính sách cụ thể và chế độ đãi ngộ xứng đáng nhằm giữ chân những nhân viên giỏi; Chưa có điều kiện đào tạo kỹ năng nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ mới cho tất cả CBCNV ngân hàng trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh; Việc quy hoạch cán bộ để đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp và kiến thức khoa học ngân hàng chưa được thực hiện tốt.

- *Nguyên nhân do phát triển CNTT chưa theo kịp yêu cầu mở rộng tín dụng:* Việc thiết lập các chương trình tin học nhằm khai thác triệt để khả năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại từ hệ thống công nghệ hiện nay của Agribank là chưa tốt, chưa xứng với tiềm năng.

- *Nguyên nhân liên quan đến công tác cho vay:*

➤ *Về phía khách hàng vay vốn:*

+ Số lượng các doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích, lừa đảo ngân hàng không nhiều, tuy nhiên, những vụ việc phát sinh lại hết sức nặng nề, liên quan đến uy tín của các cán bộ, làm ảnh hưởng xấu đến các doanh nghiệp khác.

+ Khả năng quản lý kinh doanh kém, tình hình tài chính doanh nghiệp thiếu minh bạch. Thói quen ghi chép đầy đủ, chính xác, rõ ràng các sổ sách kế toán vẫn chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh và trung thực.

+ Nhiều doanh nghiệp, hộ sản xuất, cá nhân vay vốn chưa chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm thiểu những chi phí không cần thiết trong sản xuất, tăng vòng quay của vốn và sử dụng đúng mục đích đã ghi trong hợp đồng tín dụng.

➤ *Đối với các chi nhánh Agribank trên địa bàn TP.HCM:*

+ Nhiều chi nhánh chưa thẩm định kỹ về tính khả thi của dự án, phương án, hiệu quả SXKD của từng phương án vay vốn.

+ Chưa năng động tiếp cận khách hàng, chưa triển khai, khảo sát trên diện rộng những khách hàng tại các KCN, KCX để có biện pháp đầu tư vốn hợp lý.

+ Chưa có triển khai nhanh chóng việc thông qua Trung tâm tư vấn đầu tư tài chính cho DNVVN để tiếp cận cho vay các DNVVN hoặc để nhờ Quỹ bảo lãnh tín dụng Thành phố bảo lãnh vay vốn cho các DNNVV không có tài sản bảo đảm;

+ Việc đầu tư cho vay vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn một số vướng mắc, khó khăn nên thị trường này vẫn chưa được Agribank trên địa bàn TP.HCM chú trọng khai thác triệt để.

*** *Những nguyên nhân khách quan:***

- Hội nhập kinh tế quốc tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã ảnh hưởng đến khả năng mở rộng tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM; Các đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong nước luôn tự đổi mới và không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Các nguyên nhân liên quan đến hệ thống pháp luật còn nhiều hạn chế, sự thanh tra, kiểm tra và giám sát của NHNN chưa thật sự hiệu quả; CSTT và hoạt động ngân hàng chưa hoàn thiện.

- Những tác động không tốt từ môi trường tự nhiên;

- Những nguyên nhân liên quan đến các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ mở rộng hoạt động tín dụng của các NHTM trên địa bàn TP.HCM như chưa hoàn thiện chính sách ruộng đất, chính sách kích cầu, chính sách tiêu thụ sản phẩm...

- Nguyên nhân liên quan đến Agribank như: vốn điều lệ chưa được bổ sung đạt chuẩn theo thông lệ quốc tế, chậm chỉnh sửa các văn bản chính sách liên quan đến nghiệp vụ tín dụng, giao mức phán quyết cho vay cho các chi nhánh trực thuộc chưa cao, thực hiện đề án án cơ cấu lại ngân hàng còn chậm, tiến độ ứng dụng CNTT vào hoạt động ngân hàng còn chậm...

Kết luận Chương 2: Qua phân tích, đánh giá rõ thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM trong sự so sánh, đối chiếu với các NHTM khác cùng địa bàn và Agribank ở các địa bàn là đô thị loại một, rút ra được những mặt làm được, những mặt chưa được, chỉ ra những tồn tại, nguyên nhân yếu kém trong hoạt động kinh doanh của Agribank trên địa bàn TP.HCM. Từ đó đề ra những giải pháp thiết thực nhằm mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA AGRIBANK TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

3.1. Mục tiêu phát triển KTXH trên địa bàn TP.HCM đến 2010 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020

Duy trì tốc độ tăng trưởng của thành phố cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước; Phát triển KTXH trên địa bàn TP.HCM gắn liền với tổng thể phát triển KTXH khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam; Hiện đại hóa các ngành dịch vụ, đặc biệt là các loại dịch vụ cao cấp phục vụ sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và

công nghiệp hóa; Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với bảo đảm dân sinh, nâng cao chất lượng cuộc sống, công bằng xã hội. Phát triển đồng bộ và đi trước một bước hệ thống cơ sở hạ tầng KTXH, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông đô thị.

3.2. Mục tiêu phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng chiến lược năm 2020

3.2.1. Mục tiêu phát triển NHNN Việt Nam đến năm 2010 và định hướng chiến lược đến năm 2020: Đổi mới tổ chức và hoạt động của NHNN để hình thành bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực, năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường; Xây dựng và thực thi có hiệu quả CSTT nhằm ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và thực hiện thắng lợi công cuộc CNH, HĐH đất nước.

3.2.2. Định hướng chiến lược phát triển các TCTD

- Các NHTMQD và các NHTM có cổ phần chi phối của Nhà nước đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong hệ thống ngân hàng.
- Tiếp tục cơ cấu lại toàn diện các NHTM theo Đề án cơ cấu lại các NHTMQD và đề án củng cố, chấn chỉnh các NHTMCP.
- Tăng cường năng lực tài chính (cơ cấu lại tài chính): Lành mạnh hoá và nâng cao một cách nhanh chóng và căn bản.
- Tăng vốn tự có của các NHTM bằng lợi nhuận để lại; phát hành cổ phiếu, trái phiếu; sáp nhập; hợp nhất; mua lại.
- Từng bước cổ phần hóa các NHTMQD theo nguyên tắc thận trọng, bảo đảm ổn định KTXH và an toàn hệ thống ngân hàng.

3.2.3. Định hướng chiến lược phát triển dịch vụ ngân hàng: Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích theo nhu cầu của nền kinh tế, tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và dịch vụ tài chính có hàm lượng công nghệ cao.

3.3. Mục tiêu kinh doanh của Agribank từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020

3.3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược: Giữ vững thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới. Phát huy thế mạnh của mạng lưới, tăng cường tiếp cận khách hàng, phát triển hài hòa mảng ngân hàng bán buôn và bán lẻ. Đẩy mạnh tiến độ triển khai áp dụng CNTT tiên tiến, phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại. Tăng cường tiếp thị khuyến khích khách hàng sử dụng các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng, nâng cao năng lực tài chính đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và hội nhập. Nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc áp dụng các thông lệ quốc tế vào việc tổ chức quản lý và điều hành ngân hàng. Nâng cao năng suất lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng tới phục vụ khách hàng.

3.3.2. Một số mục tiêu thị trường và sản phẩm dịch vụ cụ thể đến năm 2010:

Sản phẩm dịch vụ	Mục tiêu thị phần
Tín dụng	34%
Huy động vốn	35%
Thuê tài chính	41%
Thanh toán quốc tế	10%
Kinh doanh nguồn vốn và ngoại tệ	15%
Kinh doanh chứng khoán	30%

Nguồn: Agribank [18]

3.4. Sự cần thiết phải mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM

3.4.1. Sự khác biệt cơ bản của Agribank trên địa bàn TP.HCM với các Agribank trên những địa bàn khác

3.4.2. Mở rộng tín dụng là một yêu cầu khách quan để đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế ngày càng tăng của TP.HCM

3.4.3. Mở rộng tín dụng đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng phục vụ đời sống của tầng lớp dân cư ngày càng không ngừng tăng lên tại địa bàn TP.HCM

3.4.4. Mở rộng tín dụng nhằm củng cố và gia tăng tiềm lực của Agribank trong xu thế cạnh tranh ngày càng gay gắt hiện nay.

3.4.5. Mở rộng hoạt động tín dụng góp phần khuyến khích việc sử dụng các dịch vụ tiện ích của ngân hàng.

3.5. Giải pháp nhằm mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM

3.5.1. Giải pháp tăng trưởng nguồn vốn huy động để mở rộng tín dụng: Một là, Phát triển dịch vụ ngân hàng bán lẻ hiện đại nhằm thu hút vốn. Hai là, Xây dựng một chính sách lãi suất huy động vốn linh hoạt, phù hợp và mang tính cạnh tranh cao. Ba là, Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các hình thức huy động vốn.

3.5.2. Giải pháp về phát triển mạng lưới, kênh phân phối

*** Mở rộng mạng lưới một cách có chọn lọc**

- Mở thêm các chi nhánh, phòng giao dịch ở những khu đô thị mới, khu đông dân cư, khu công nghiệp, chú trọng đến những vùng điều kiện kinh tế còn khó khăn, vùng nông thôn, xa trung tâm.

- Khi mở rộng cần chú ý đến đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất hiện đại, khang trang.

- Thực hiện mô hình quản lý mạng lưới chi nhánh 2 cấp, thực hiện điều hành kinh doanh trực tiếp.

*** Xây dựng hệ thống phục vụ tự động, giao dịch từ xa**

- Tham gia các hệ thống thanh toán thẻ điện tử quốc tế tạo thêm nhiều tiện ích cho khách hàng,

- Xây dựng chiến lược marketing cụ thể cho các sản phẩm thẻ như thẻ ATM, thẻ VISA, Master...

- Xây dựng và hoàn thiện các dịch vụ ngân hàng điện tử như: Phone-banking, Mobile-banking, Internet-banking...

- Thiết lập và phát triển ngân hàng trực tuyến với các khách hàng lớn như Điện lực, Dầu khí, Viễn thông...

*** Hình thành trung tâm phục vụ khách hàng:** Hình thành thêm những Trung tâm tại các khu vực để phục vụ tốt hơn cho mọi đối tượng khách hàng một cách nhanh chóng như Trung tâm Thanh

toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, Trung tâm thẻ...

3.5.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin, thực hiện tốt quy trình cho vay nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng

- Xây dựng hệ thống lưu trữ và xử lý thông tin về khách hàng cũng như về dự án đầu tư;

- Nâng cao năng lực thẩm định dự án đầu tư của cán bộ ngân hàng; Thường xuyên theo dõi, giám sát nợ vay; Chuyên môn hóa bộ phận thẩm định tài sản đảm bảo tiền vay;

- Phân tán rủi ro tín dụng: Chuyển dịch cơ cấu dư nợ theo hướng đa dạng hóa khách hàng, chú ý đến đối tượng khách hàng ngoài quốc doanh, DNVVN, kinh tế hộ sản xuất...;

- Xử lý dứt điểm nợ tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng của danh mục tín dụng.

3.5.4. Giải pháp đẩy mạnh hoạt động Marketing phục vụ công tác mở rộng hoạt động tín dụng: Tăng cường công tác marketing ngân hàng. Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác marketing; Đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh Agribank ra công chúng; Xây dựng và phát triển thương hiệu Agribank.

3.5.5. Giải pháp về quản lý, điều hành và phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức giáo dục tư tưởng, phẩm chất đạo đức, thái độ ứng xử chung nhằm xây dựng một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, hiện đại, tiên tiến.

- Đề ra các chính sách nhằm giữ chân những nhân viên giỏi, đồng thời thu hút thêm nguồn nhân lực giỏi từ bên ngoài.

- Tập trung đào tạo kỹ năng nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ mới, quy hoạch cán bộ để đào tạo nâng cao trình độ nghề nghiệp và kiến thức khoa học ngân hàng.

3.5.6. Giải pháp về phát triển CNTT phục vụ yêu cầu mở rộng tín dụng

*** Tiếp tục đầu tư, ứng dụng các công nghệ hiện đại trong các hoạt động ngân hàng trên địa bàn TP.HCM**

- Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, nghiên cứu, ứng dụng, triển khai công nghệ, dịch vụ mới, nghiên cứu rút kinh nghiệm và phát triển có chọn lọc những dịch vụ phù hợp với khả năng của ngân hàng, của đối tượng khách hàng tiềm năng.

- Nghiên cứu phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng điện tử, cung cấp các dịch vụ ở cấp độ cao hơn và mang lại nhiều lợi nhuận hơn..

- Đặc biệt chú trọng đến vấn đề bảo mật và an ninh mạng do tác hại của hacker, virus máy tính không chỉ đơn thuần là thiệt hại vật chất mà còn uy tín, chất lượng của thương hiệu Agribank.

* **Tăng mức độ tự động hóa cho Agribank TP.HCM:** Kết nối hệ thống ATM của Agribank trên địa bàn TP.HCM với hệ thống ATM của các ngân hàng khác. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống CNTT bao gồm cả hệ thống bảo mật hoàn hảo.

* **Phát triển các sản phẩm thẻ**

Triển khai rộng rãi các sản phẩm thẻ mới như thẻ tín dụng nội địa, thẻ tín dụng quốc tế (Visa, Master,...), lắp đặt thêm hệ thống máy ATM, tăng thêm các điểm chấp nhận thẻ.

* **Kết nối thanh toán với khách hàng:** Phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức, trường đại học trên địa bàn để thực hiện tốt các dịch vụ thanh toán lương cho nhân viên, phí, học phí...

3.5.7. Tăng cường đầu tư tín dụng trên địa bàn TP.HCM

* **Mở rộng tín dụng vào các KCN, KCX**

Hiện nay trên địa bàn TP.HCM có 12 KCN, KCX, trong đó có 2 KCX, 10 KCN với khoảng 450 doanh nghiệp hoạt động (trong đó có gần 200 doanh nghiệp Việt Nam). Đến cuối năm 2008 tổng vốn đầu tư thu hút kể cả cấp mới và điều chỉnh đạt 681 triệu USD. Các chi nhánh Agribank nên tiếp tục tiếp cận để cho vay, bằng cách:

- Nắm bắt tình hình SXKD của các doanh nghiệp, các dự án chậm triển khai để có thể đầu tư vốn, tháo gỡ và hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn.

- Thông qua chính quyền địa phương hoặc Ban quản lý để tiếp cận cho vay vốn đối với các tổ chức kinh tế.

- Hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp chuyên sản xuất các mặt hàng công nghệ cao và đào tạo công nhân có tay nghề kỹ thuật cao.

- Tiếp cận công nhân qua tổ chức đoàn thể, Ban quản lý để cho trực tiếp công nhân vay tiêu dùng, phục vụ đời sống.

** Mở rộng cho vay phát triển các DNVVN trên địa bàn*

TP.HCM: Agribank trên địa bàn nhanh chóng làm việc với Trung tâm tư vấn đầu tư tài chính cho DNVVN, thông qua Trung tâm để tiếp cận các DNVVN để triển khai cho vay:

** Tăng cường tín dụng đối với các dự án kích cầu của*

TP.HCM, của Chính phủ: Nghiên cứu những dự án thuộc chính sách kích cầu của Chính phủ, của TP.HCM để đầu tư.

** Bám sát chủ trương phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn TP.HCM (chú trọng đến mô hình kinh tế trang trại) để mở rộng cho vay.*

Dư nợ cho vay của các NHTM trên địa bàn TP.HCM đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến thời điểm 31/12/2008 là 10.461 tỷ đồng, chỉ chiếm 2,2% trên tổng dư nợ cho vay trên địa bàn. Trong đó các chi nhánh Agribank trên địa bàn TP.HCM cho vay là 3.800 tỷ đồng để phát triển nông nghiệp, nông thôn chiếm 36% trên tổng dư nợ cho vay của các NHTM trên địa bàn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và chỉ chiếm 0,8% dư nợ của các NHTM đầu tư trên địa bàn TP.HCM. Vì vậy, các Chi nhánh Agribank trên địa bàn TP.HCM tiến hành tiếp cận các doanh nghiệp, hộ sản xuất, cá nhân có tham gia vào khu vực nông nghiệp nông thôn để mở rộng cho vay.

3.6. Kiến nghị đối với Chính phủ, NHNN và các Bộ ngành liên quan:

3.6.1. Hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô hỗ trợ mở rộng hoạt động tín dụng của các TCTD: Hoàn thiện chính sách ruộng đất. Giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân nói chung và trang trại nói riêng nhằm tạo sự yên tâm tập trung đầu tư

phát triển trang trại. Có giải pháp miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp, và có cơ chế chính sách thích hợp để khuyến khích các hình thức như mua trả góp, mua trả chậm máy móc, thiết bị nông nghiệp... Trong chính sách về vốn cho các chương trình phát triển SXKD trang trại, cần lồng ghép các chương trình xã hội như chương trình giải quyết việc làm, chương trình xóa đói, giảm nghèo...

3.6.2. Hoàn thiện chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng: Tạo môi trường cạnh tranh thông thoáng hơn, khuyến khích các TCTD mở rộng mạng lưới hoạt động ở thành thị và nông thôn. Cần xem xét điều chỉnh lãi suất đồng Việt Nam trong mối tương quan với lãi suất ngoại tệ, khuyến khích khách hàng vay ngoại tệ, do trong điều kiện hiện nay do phải thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư, tiêu dùng nhằm phát triển sản xuất nên không thể tăng lãi suất VNĐ. Nghiên cứu chỉnh sửa quy chế thanh toán xuất nhập khẩu phù hợp với tình hình mới. NHNN cần sử dụng linh hoạt biên độ tỷ giá giao dịch ngoại tệ phù hợp với tình hình thực tế trên thị trường.

- Về cơ chế đảm bảo tiền vay: NHNN Việt Nam phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để đề xuất với Chính phủ ban hành quy định về cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà xưởng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để làm cơ sở đảm bảo tiền vay.

- Đối với chương trình kích cầu, Chính phủ, NHNN nên có cơ chế cho vay tiêu dùng đối với khách hàng không có tài sản đảm bảo vì nhu cầu vay vốn cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân nông thôn rất lớn.

- Đổi mới công tác thanh tra giám sát ngân hàng, kết hợp chặt chẽ giữa giám sát từ xa và thanh tra tại chỗ.

- Tiếp tục thực thi CSTT linh hoạt, chủ động. Theo dõi, phân tích đánh giá và dự báo sát hơn diễn biến kinh tế, tiền tệ trong nước và thế giới để sớm đưa ra các giải pháp phù hợp.

- Đề nghị Nhà nước tiếp tục tăng vốn điều lệ cho Agribank lên mức đạt chuẩn theo thông lệ quốc tế.

3.6.3. Kiến nghị đối với các Bộ, ngành liên quan

NHNN Việt Nam có ý kiến với Tổng cục thuế về việc phát mãi TSTC để thu nợ thì không nên thu thuế VAT, nhằm hỗ trợ ngân hàng thu hồi được nợ, góp phần giải quyết tình trạng nợ đọng khá lớn của các ngân hàng.

3.7. Kiến nghị đối với Chính quyền TP.HCM:

- UBND TP.HCM cần xây dựng những dự án quy hoạch lớn trên quy mô tổng thể tùy theo đặc điểm của từng khu vực; Tiếp tục chỉnh sửa các văn bản thay đổi giá đất cho phù hợp thực tế; Tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện cho các NHTM trong việc hợp pháp hóa các tài sản thế chấp, thúc đẩy nhanh quá trình thi hành án, phát mãi tài sản, thu hồi nợ vay cho ngân hàng.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong KCN, KCX có đủ cơ sở pháp lý cho tài sản bảo đảm nợ vay.

- Đối với các dự án kích cầu: UBND thành phố nghiên cứu cho phép thực hiện đầu tư tín dụng bằng hiện vật đối với các dự án kích cầu. Đây chính là hình thức cho thuê tài chính đã được NHNN Việt Nam cho phép thực hiện, nhưng đối với các dự án kích cầu đầu tư của UBND TP.HCM thì chưa cho phép thực hiện.

3.8. Kiến nghị đối với Agribank

Một là, thực hiện chiến lược khơi tăng nguồn vốn:

- Agribank là người đứng ra nghiên cứu các dự án đầu tư khả thi, sau đó sẽ tiến hành phát hành trái phiếu cho từng dự án cụ thể hoặc kêu gọi các nhà đầu tư khác cùng tham gia vào các dự án.

- Agribank được ủy thác của Ngân sách nhà nước huy động vốn trung và dài hạn cho ngân sách, từ đó Nhà nước dùng nguồn vốn này để đầu tư xây dựng vào các cơ sở hạ tầng phục vụ nền kinh tế.

Hai là, đẩy mạnh cho vay phát triển kinh tế, đáp ứng đủ vốn, kịp thời cho mọi thành phần kinh tế:

- Mở rộng cho vay đến các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty 90, 91 như các TCTy Thủy sản, TCTy Lương thực, Dầu khí...

- Quan tâm toàn diện và có hiệu quả tới thị trường thành phố, thị xã, như địa bàn Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP.HCM...

- Chú trọng đầu tư cho hộ sản xuất, hộ trang trại.

Ba là, có những biện pháp nhằm hỗ trợ các chi nhánh trực thuộc không ngừng nâng cao chất lượng tín dụng.

Bốn là, nâng cao năng lực tài chính:

- Thực hiện triệt để cơ chế lãi suất thực dương và thực hiện chỉ huy lãi suất tập trung ở Trung tâm điều hành, đồng thời linh hoạt áp dụng lãi suất huy động và lãi suất cho vay tại các vùng có cạnh tranh cao, khuyến khích các địa phương cho vay với lãi suất tối đa mà NHNN cho phép.

- Tạo động lực mới thông qua kiện toàn cơ chế khoán tài chính đến từng CN, người lao động thông qua kết quả công việc.

- Xử lý nợ tồn đọng theo đề án cơ cấu lại ngân hàng, chấn chỉnh và giúp đỡ các đơn vị yếu kém vươn lên trong kinh doanh.

Năm là, triển khai mạnh mẽ đề án cơ cấu lại ngân hàng, kiện toàn một bước về tổ chức bộ máy và cán bộ.

Sáu là, đẩy nhanh tiến độ ứng dụng CNTT vào hoạt động ngân hàng: Xác định đây là điểm đột phá để sắp xếp lại cơ cấu lao động, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, phân đấu thanh toán điện tử trong toàn hệ thống Agribank.

Kết luận Chương 3: Dựa trên những nguyên nhân tồn tại rút ra từ sự phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM ở chương 2 của luận án, đồng thời căn cứ vào các mục tiêu của Chính quyền TP.HCM, NHNN và của Agribank từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn chiến lược đến năm 2020. Mục tiêu chương 3 của luận án là đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm mở rộng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, luận án đã hoàn thành một số các nhiệm vụ như sau:

1. Hệ thống hóa lý luận cơ bản và hoạt động tín dụng của NHTM, cơ sở khoa học hình thành nên tín dụng ngân hàng và NHTM, giới thiệu sơ lược vai trò, chức năng, nghiệp vụ cơ bản của NHTM và tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, nêu ra những yêu cầu cần thiết để mở rộng hoạt động tín dụng, đồng thời rút ra những kinh nghiệm cho các NHTM Việt Nam trong việc mở rộng hoạt động tín dụng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu xuất phát từ khủng hoảng tài chính tại Mỹ.

2. Trình bày thực trạng hoạt động tín dụng của Agribank trên địa bàn TP.HCM trên cơ sở có sự so sánh, đối chiếu với các NHTM trên địa bàn, với toàn hệ thống Agribank Việt Nam và Agribank của một số địa bàn trọng điểm khác. Phân tích những mặt làm được, những tồn tại do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, từ đó rút ra những yếu kém, tồn tại cần khắc phục.

3. Đề xuất những giải pháp cụ thể đối với Agribank trên địa bàn TP.HCM, góp phần mở rộng hoạt động tín dụng, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng thị phần nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước và khu vực TP.HCM. Những giải pháp này phải được tiến hành đồng bộ với các giải pháp hỗ trợ của Nhà nước, Chính phủ, NHNN, UBND TP.HCM và của Agribank Việt Nam.

Việc mở rộng hoạt động của các NHTM và Agribank trên địa bàn TP.HCM nhằm cung ứng tín dụng, các dịch vụ ngân hàng để phát triển kinh tế đất nước là một lĩnh vực rộng lớn, phong phú, trong khuôn khổ một luận án chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu tại địa bàn TP.HCM chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Do đó còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu sâu hơn để góp phần hoàn thiện các nghiệp vụ tín dụng của các NHTM Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế.